



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP * HỆ ĐẠI HỌC TỪ XA
KHÓA X18TOP (TUYỂN SINH ĐỢT 5) * TRẠM TC CN&KTDN HÀ NỘI

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH * CHƯƠNG TRÌNH: C2(CDT5)

MÔN: LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ * SỐ TÍN CHỈ: 3

MÃ MÔN: FIN101

Đợt học : 6

Thời gian : 16/03/2014

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H1	H2	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10%	0%	0%	15%	15%	0%	0%	0%	60%				
1	1829210835	Phùng Xuân	Bền	X18TOP_QTH5_C2	8			9.5	10				9.8	9.6	Chín Phẩy Sáu		
2	1828210844	Lương Thị Hải	Bình	X18TOP_QTH5_C2	6			8.8	8.5				6.5	7.1	Bảy Phẩy Một		
3	1829210732	Bùi Huy	Cương	X18TOP_QTH5_C2	6			9	8.5				V	0.0	Không		
4	1829210836	Lăng Tiến	Đức	X18TOP_QTH5_C2	6			8	8.5				8.3	8.1	Tám Phẩy Một		
5	1829210737	Nguyễn Anh	Đức	X18TOP_QTH5_C2	0			8	6				7.3	6.5	Sáu Phẩy Năm		
6	1828210875	Nguyễn Thị	Dung	X18TOP_QTH5_C2	8			7.5	0				V	0.0	Không		
7	1828210847	Nguyễn Thị Thanh	Hải	X18TOP_QTH5_C2	10			9.3	9.5				9	9.2	Chín Phẩy Hai		
8	1829210848	Phan Văn	Hải	X18TOP_QTH5_C2	0			4.3	0				V	0.0	Không		
9	1828210830	Nguyễn Thị	Hằng	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	9.5				8.8	9.1	Chín Phẩy Một		
10	1829210837	Nguyễn Văn	Hiền	X18TOP_QTH5_C2	10			9	10				8.8	9.1	Chín Phẩy Một		
11	1829210746	Lục Trọng	Hiếu	X18TOP_QTH5_C2	6			7.5	5.8				9.5	8.3	Tám Phẩy Ba		
12	1829210849	Lê Huy	Hoàng	X18TOP_QTH5_C2	6			9	9.5				9.5	9.1	Chín Phẩy Một		
13	1829210748	Bùi Văn	Học	X18TOP_QTH5_C2	8			0	10				9.3	7.9	Bảy Phẩy Chín		
14	1828210850	Nguyễn Thị Thu	Hương	X18TOP_QTH5_C2	1			9.3	9				9.3	8.4	Tám Phẩy Bốn		
15	1828210754	Triệu Thu	Hường	X18TOP_QTH5_C2	4			0	9.5				9.3	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
16	1828210755	Trần Thị Thanh	Hường	X18TOP_QTH5_C2	6			8.8	9.3				9.8	9.2	Chín Phẩy Hai		
17	1828210851	Trần Ngọc	Lan	X18TOP_QTH5_C2	7			9.2	9.5				8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu		
18	1828210758	Đinh Thị Tổ	Liên	X18TOP_QTH5_C2	6			0	9.5				9.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
19	1828210759	Nguyễn Thùy	Linh	X18TOP_QTH5_C2	0			0	0				V	0.0	Không		
20	1828210760	Bùi Thị Thanh	Loan	X18TOP_QTH5_C2	0			7	8				9.3	7.8	Bảy Phẩy Tám		
21	1829210846	Nguyễn Hoàng	Long	X18TOP_QTH5_C2	4			7.5	0				8.3	6.5	Sáu Phẩy Năm		
22	1828210852	Nguyễn Thị	May	X18TOP_QTH5_C2	8			9	9.3				7.8	8.2	Tám Phẩy Hai		
23	1829210764	Phạm Văn	Minh	X18TOP_QTH5_C2	6			8.5	9.5				7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám		
24	1828210770	Trần Thị	Nhài	X18TOP_QTH5_C2	10			8.8	8.5				8	8.4	Tám Phẩy Bốn		
25	1829210838	Nguyễn Văn	Quảng	X18TOP_QTH5_C2	6			8	9				8.5	8.3	Tám Phẩy Ba		
26	1828210777	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	9				9.5	9.5	Chín Phẩy Năm		
27	1829210780	Lê Hoài	Thăng	X18TOP_QTH5_C2	8			7.3	9.5				9	8.7	Tám Phẩy Bảy		
28	1829210783	Vũ Lê	Thắng	X18TOP_QTH5_C2	6			9	10				7.8	8.1	Tám Phẩy Một		
29	1829210784	Hoàng Minh	Thắng	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	10				8.8	9.2	Chín Phẩy Hai		
30	1828210874	Hoàng Thị	Thi	X18TOP_QTH5_C2	6			8	8.7				9	8.5	Tám Phẩy Năm		
31	1828210787	Đỗ Thị	Thoan	X18TOP_QTH5_C2	8			9.5	9.5				9.3	9.2	Chín Phẩy Hai		
32	1829210832	Lê Đức	Thuận	X18TOP_QTH5_C2	6			7.5	5.5				7.3	6.9	Sáu Phẩy Chín		
33	1829210877	Phạm Sỹ	Tĩnh	X18TOP_QTH5_C2	6			8	8.3				9.3	8.6	Tám Phẩy Sáu		
34	1829210841	Hoàng Văn	Tuân	X18TOP_QTH5_C2	6			8.8	9.5				8.3	8.3	Tám Phẩy Ba		
35	1829210872	Nguyễn Trọng	Tuấn	X18TOP_QTH5_C2	2			0	3.3				9	6.1	Sáu Phẩy Một		
36	1829210833	Nguyễn Đình	Tùng	X18TOP_QTH5_C2	10			8.5	10				8.3	8.8	Tám Phẩy Tám		
37	1829210834	Nguyễn Văn	Tùng	X18TOP_QTH5_C2	8			8.8	8.5				5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín		
38	1829210796	Đỗ Văn	Vỹ	X18TOP_QTH5_C2	8			9.5	10				7.3	8.1	Tám Phẩy Một		
39	1829210817	Phạm Xuân	Biên	X18TOP_QTH5_C2	0			0	6				9.8	6.8	Sáu Phẩy Tám		
40	1829210822	Vì Văn	Bình	X18TOP_QTH5_C2	8			8.5	9				9.3	9.0	Chín		
41	1829210818	Lê Xuân	Cảnh	X18TOP_QTH5_C2	6			9.5	9.5				9.3	9.0	Chín		
42	1829210823	Trần Văn	Đức	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	9.5				9.8	9.7	ChínPhẩy Bảy		
43	1828210813	Nguyễn Thiệu	Dương	X18TOP_QTH5_C2	6			5	7.5				9.8	8.4	Tám Phẩy Bốn		
44	1829210819	Nguyễn Việt	Hà	X18TOP_QTH5_C2	8			9	9.5				9.5	9.3	Chín Phẩy Ba		
45	1829210814	Khuất Cao	Hảo	X18TOP_QTH5_C2	4			5.3	8				4	4.8	Bốn Phẩy Tám		
46	1829210824	Lê Trung	Hiếu	X18TOP_QTH5_C2	9			9	8				8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu		
47	1828210826	Trần Khánh	Huyền	X18TOP_QTH5_C2	10			9	9.5				9	9.2	Chín Phẩy Hai		

48	1829210827	Nguyễn Hồng	Quân	X18TOP_QTH5_C2	10			0	9.2				V	0.0	Không	
49	1829210821	Chu Văn	Tân	X18TOP_QTH5_C2	0			5.5	0				V	0.0	Không	
50	1829210793	Lê Đức	Tường	X18TOP_QTH5_C2	7			9	9				5.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
51	1828210736	Lê Thị Hồng	Diệp	X18TOP_QTH5_C2	0			5.5	5.3				V	0.0	Không	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	44	86%	
2	Số sinh viên nợ	7	14%	
TỔNG CỘNG :		51	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

TT ĐÀO TẠO TỪ XA & BẢNG 2

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 04 năm 2014
TL. HIỆU TRƯỞNG
PP. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Phạm Ngọc Tĩnh

Phạm Hồng Phương

ThS. Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Ân